

Số: *2000* /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày *16* tháng *8* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy của Trường Đại học Vinh tại phiên họp ngày 08/8/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy cho 197 sinh viên (danh sách kèm theo), trong đó:

TT	Ngành tốt nghiệp	Xếp loại				Tổng
		Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	
1	Báo chí			1		1
2	Chăn nuôi			1		1
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử			2		2
4	Công nghệ sinh học		1			1
5	Công nghệ thông tin			1		1
6	Công tác xã hội	2		1		3
7	Điều dưỡng		2	6		8
8	Giáo dục Mầm non		3	11		14
9	Giáo dục Quốc phòng – An ninh		1			1
10	Giáo dục Thể chất		1			1
11	Giáo dục Tiểu học		2	15		17
12	Kế toán		1	14	11	26
13	Kinh tế		1	1		2
14	Kỹ thuật điện tử - viễn thông			3		3
15	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa			5		5
16	Kỹ thuật xây dựng				1	1
17	Luật			4		4
18	Luật kinh tế		2	2		4
19	Ngôn ngữ Anh		2	26	2	30
20	Nuôi trồng thủy sản		1	7		8
21	Quản lý đất đai			1		1
22	Quản lý giáo dục		1	2		3
23	Quản trị kinh doanh			2	4	6
24	Quản trị kinh doanh_CLC		1	1		2
25	Sư phạm Địa lý		3	1		4
26	Sư phạm Hóa học			1		1
27	Sư phạm Lịch sử			1		1
28	Sư phạm Ngữ văn		1	3	2	6
29	Sư phạm Tiếng Anh		1	18		19
30	Sư phạm Toán học			2	1	3
31	Sư phạm Toán học_CLC	1	4	4		9
32	Tài chính - Ngân hàng			1	2	3
33	Việt Nam học		2	4		6
	Tổng	3	30	141	23	197

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Công tác Chính trị - Học sinh, sinh viên, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị liên quan; Trưởng các trường, khoa, viện và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Như điều 2;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, ĐT /

HIỆU TRƯỞNG**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Kèm theo Quyết định số: 2000 /QĐ-ĐHV ngày 16 / 8 /2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
1	19573201010009	Nguyễn Đình	Thành	25/01/2000	Nam	Khá	Báo chí	
2	19576201050003	Nguyễn Văn	Mạnh	04/03/2001	Nam	Khá	Chăn nuôi	
3	18575103010029	Phạm Trọng	Nguyên	02/06/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
4	18575103010032	Phan Đắc	Tịnh	10/01/2000	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
5	19574202010002	Trần Thị Quỳnh	Anh	19/08/2001	Nữ	Giỏi	Công nghệ sinh học	
6	18574802010078	Phạm Hoàng	Linh	14/07/2000	Nam	Khá	Công nghệ thông tin	
7	19577601010006	Nguyễn Thị Thu	Hằng	04/01/2001	Nữ	Xuất sắc	Công tác xã hội	
8	19577601010005	Trần Thị	Nhung	20/08/2000	Nữ	Xuất sắc	Công tác xã hội	
9	19577601010003	Đào Quang	Thái	03/10/2001	Nam	Khá	Công tác xã hội	
10	19577203010013	Nguyễn Thị Minh	Anh	09/11/2001	Nữ	Khá	Điều dưỡng	
11	19577203010012	Nguyễn Thị	Ánh	02/01/2001	Nữ	Khá	Điều dưỡng	
12	19577203010033	Tôn Thị Hồng	Quyên	28/03/2001	Nữ	Khá	Điều dưỡng	
13	19577203010032	Lê Thị	Thắm	04/10/2001	Nữ	Giỏi	Điều dưỡng	
14	19577203010090	Nguyễn Thị Bảo	Hoài	08/03/2001	Nữ	Giỏi	Điều dưỡng	
15	19577203010054	Ngụy Thị Khánh	Ly	01/01/2001	Nữ	Khá	Điều dưỡng	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
16	19577203010055	Trần Thị Hoài	Thương	25/03/2001	Nữ	Khá	Điều dưỡng	
17	19577203010004	Nguyễn Đình	Tuân	06/06/2001	Nam	Khá	Điều dưỡng	
18	19571402010112	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/09/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
19	19571402010086	Trần Hoàng Quỳnh	Như	03/10/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
20	19571402010033	Lô Thị	Phương	28/09/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
21	19571402010021	Sầm Thị	Thiên	01/01/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
22	19571402010077	Nguyễn Thị	Toàn	21/01/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
23	19571402010059	Nguyễn Thị	Doanh	06/08/2001	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
24	19571402010055	La Thị	Duyên	24/11/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
25	19571402010132	Nguyễn Thị Hải	Lý	14/08/2000	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
26	19571402010034	Đặng Thị Thủy	Tiên	12/01/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
27	19571402010129	Phan Thị Thảo	Vân	11/09/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
28	19571402010096	Vừ Y	Dủ	04/08/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
29	19571402010157	Lê Thị	Duyên	06/07/2001	Nữ	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
30	19571402010011	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	08/01/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
31	18571402011163	Phạm Thị	Phương	09/09/1999	Nữ	Khá	Giáo dục Mầm non	
32	19571402080003	Ngân Thị	Trình	15/02/2001	Nữ	Giỏi	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	
33	19571402060014	Vũ Thị Phương	Thảo	23/09/2001	Nữ	Giỏi	Giáo dục Thể chất	
34	18571402021059	Thò A	Trình	02/01/2000	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
35	18571402021179	Quang Anh	Tuấn	14/07/2000	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
36	19571402020033	Trương Thị Lan	Anh	30/04/2001	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
37	19571402020022	Vi Thị	Hằng	24/09/2001	Nữ	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
38	19571402020007	Lữ Thị Mi	Na	21/09/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
39	19571402020005	Vi Thị	Hằng	30/04/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
40	19571402020104	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
41	19571402020098	Nguyễn Thị	Minh	27/07/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
42	19571402020027	Lương Thị Quỳnh	Như	17/01/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
43	19571402020231	Lầu Bá	Cha	08/06/2001	Nam	Khá	Giáo dục Tiểu học	
44	19571402020229	Lang Thị Thu	Huệ	18/08/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
45	19571402020225	Lê Thị Mai	Hương	16/07/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
46	155D1402021020	Hà Thị	Trang	23/03/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học	
47	19571402020075	Thái Thị Thùy	Dương	29/07/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
48	19571402020117	Hồ Thị Huyền	My	25/06/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
49	19571402020058	Ngân Thị Bích	Thùy	26/11/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
50	19571402020242	Vi Thị Kiều	Trang	28/08/2001	Nữ	Khá	Giáo dục Tiểu học	
51	18573403010157	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	04/06/2000	Nữ	Khá	Kế toán	
52	19573403010424	Cao Thị Huyền	Trang	05/06/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
53	19573403010383	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/09/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
54	19573403010057	Trần Thị Diệu	Huyền	13/11/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
55	19573403010068	Lê Thị Quỳnh	Trang	12/08/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
56	19573403010135	Phạm Thị Thu	Trang	12/09/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
57	19573403010461	Nguyễn Thị	Hoài	19/09/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
58	19573403010258	Nguyễn Thị	Mến	13/08/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
59	19573403010011	Nguyễn Thị Hoài	Mơ	01/02/2000	Nữ	Khá	Kế toán	
60	19573403010272	Trần Thanh	Hương	06/01/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
61	19573403010224	Lê Thị Trà	My	01/07/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
62	19573403010480	Nguyễn Minh	Nhật	20/05/2001	Nam	Trung bình	Kế toán	
63	19573403010393	Nguyễn Thị	Trinh	18/10/2000	Nữ	Trung bình	Kế toán	
64	19573403010279	Trương Thị	Huyền	29/08/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
65	19573403010274	Nguyễn Khánh	Chi	13/07/2001	Nữ	Giỏi	Kế toán	
66	19573403010242	Hoàng Thị	Uyên	02/08/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
67	19573403010216	Bùi Thị	Hằng	19/09/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
68	19573403010225	Võ Thị Mai	Hương	13/01/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
69	19573403010073	Lê Thị	Lan	12/12/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
70	19573403010139	Mai Huệ	Mẫn	05/12/2001	Nữ	Khá	Kế toán	
71	19573403010363	Nguyễn Đức	Thắng	03/07/2001	Nam	Khá	Kế toán	
72	19573403010340	Nguyễn Thị	Hằng	26/06/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
73	19573403010160	Nguyễn Thị Hoài	Linh	13/02/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
74	18573403010123	Lê Việt	Trình	08/11/2000	Nữ	Khá	Kế toán	
75	19573403010025	Ngô Thị	Quỳnh	02/02/1999	Nữ	Khá	Kế toán	
76	19573403010470	Trương Thị Hương	Giang	21/12/2001	Nữ	Trung bình	Kế toán	
77	19573101010022	Nguyễn Thị	Soa	02/08/2001	Nữ	Khá	Kinh tế	
78	19573101010032	Trương Thị	Thương	12/10/2001	Nữ	Giỏi	Kinh tế	
79	18575202070005	Nguyễn Hồng	Bàng	29/08/2000	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
80	18575202070006	Nguyễn Hữu	Sáng	01/05/1999	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
81	18575202070004	Lê Hoàng	Tú	14/08/2000	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
82	18575202160021	Nguyễn Tất	Dũng	03/12/2000	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
83	18575202160049	Nguyễn Trung	Hiếu	12/06/2000	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
84	18575202160007	Trịnh Hồng	Nam	20/07/1999	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
85	18575202160043	Bạch Đình	Thắng	08/03/2000	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
86	18575202160018	Phạm Quang	Vinh	25/10/2000	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
87	18575802010043	Dương Sỹ	Bách	16/06/2000	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng	
88	18573801010003	Vi Văn	Âu	16/02/2000	Nam	Khá	Luật	
89	19573801010013	Nguyễn Thị Hà	Vy	16/02/2001	Nữ	Khá	Luật	
90	19573801010063	Phạm Trung	Kiên	18/04/2001	Nam	Khá	Luật	
91	19573801010003	Đinh Bảo	Ngọc	26/07/2001	Nữ	Khá	Luật	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
92	19573801070015	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/02/2001	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
93	19573801070030	Nguyễn Thị	Hương	02/05/2001	Nữ	Khá	Luật kinh tế	
94	19573801070035	Nguyễn Thị Khánh	Linh	11/05/2001	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
95	19573801070053	Phan Thị Hoài	Linh	24/05/2001	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế	
96	19572202010236	Nguyễn Thị Trâm	Anh	01/05/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
97	19572202010285	Nguyễn Thị Minh	Ánh	27/07/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
98	19572202010111	Nguyễn Huyền	Diệu	09/03/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
99	19572202010232	Lê Thị	Hạnh	06/09/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
100	19572202010003	Thái Văn	Huy	05/08/2001	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
101	19572202010260	Hoàng Thị	Hường	06/08/2001	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
102	19572202010177	Kheo Thị Kiều	Trang	30/11/2001	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
103	19572202010229	Lê Thị Hà	Trang	23/07/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
104	19572202010127	Lê Thị Tâm	Trang	27/03/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
105	19572202010070	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/06/2001	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh	
106	19572202010012	Nguyễn Thị Trà	My	07/08/2000	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
107	19572202010088	Hoàng Thị Trang	Nhung	07/06/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
108	19572202010183	Đặng Thị	Thảo	13/10/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
109	19572202010250	Nguyễn Thị	Tinh	16/09/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
110	19572202010109	Hoàng Thị	Trang	18/07/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
111	19572202010217	Hoàng Thị Thúy	Bích	17/10/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
112	19572202010273	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	21/04/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
113	19572202010072	Ngô Thị Cẩm	Nhung	12/08/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
114	19572202010077	Lê Thị	Phương	26/02/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
115	19572202010121	Lê Thị Quỳnh	Anh	26/07/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
116	19572202010096	Nguyễn Ngọc	Ánh	06/09/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
117	19572202010120	Hoàng Thị Thanh	Hằng	27/09/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
118	19572202010147	Phạm Hoài	Thương	24/02/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
119	19572202010140	Lương Hoài	An	03/02/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
120	19572202010118	Nguyễn Thị Linh	Chi	24/09/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
121	19572202010193	Lô Văn	Kiên	21/05/2001	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh	
122	19572202010209	Nguyễn Hà	Phương	22/04/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
123	19572202010153	Bùi Thị	Trang	23/04/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
124	19572202010173	Hoàng Thị	Trang	13/03/2001	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh	
125	19572202010203	Hoàng Thị Cẩm	Tú	24/10/2000	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh	
126	19576203010007	Nguyễn Thị	Huyền	24/11/2001	Nữ	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
127	19576203010010	Phan Thị Hồng	Nhung	24/08/2001	Nữ	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
128	19576203010013	Hồ Đức	Thuận	20/04/2001	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
129	18576203010015	Nguyễn Tùng	Lâm	05/01/1999	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
130	19576203010023	Trần Công	Công	01/11/2000	Nam	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản	
131	19576203010011	Nguyễn Hữu	Mạnh	15/05/2001	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
132	19576203010022	Nguyễn Văn	Son	23/06/2001	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
133	19576203010009	Nguyễn Thế	Tuấn	14/09/2001	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản	
134	18578501030003	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	15/09/2000	Nữ	Khá	Quản lý đất đai	
135	19571401140022	Trần Thị Phương	Dung	13/03/2001	Nữ	Giỏi	Quản lý giáo dục	
136	19571401140011	Nguyễn Thị	Tâm	08/12/2001	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục	
137	19571401140016	Dương Thị Hoài	Thư	22/03/2001	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục	
138	19573401010189	Võ Lê Nhật	Quyên	11/04/2001	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
139	19573401010029	Nguyễn Tuấn	Dũng	10/07/2001	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
140	19573401010111	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/10/2001	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
141	1957340101_10013	Trần Đức	Huy	26/12/2001	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh	
142	19573401010143	Trần Thị	Thương	19/11/2001	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh	
143	19573401010131	Hoàng Văn	Hùng	07/04/2001	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh	
144	19573401010055	Hồ Thị Thanh	Tiến	25/07/2001	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh_CLC	CLC
145	19573401010046	Nguyễn Trung	Hiếu	23/11/2000	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh_CLC	CLC
146	19571402190007	Hoàng Thị	Hương	30/11/2000	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
147	19571402190016	Lê Thị	Linh	28/01/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý	
148	19571402190006	Lương Thị Bích	Nguyệt	12/05/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
149	19571402190001	Lê Thu	Thùy	03/04/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý	
150	19571402120015	Nguyễn Cẩm	Nhung	17/05/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học	
151	19571402180006	Lê Thị Khánh	Huyền	05/04/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử	
152	19571402170027	Nguyễn Ngọc	Dịu	29/09/2001	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn	
153	19571402170020	Nguyễn Thị Phương	Hà	27/04/2001	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn	
154	19571402170039	Hồ Thị	Hoa	11/04/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn	
155	19571402170023	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
156	19571402170007	Lê Thị Khánh	Linh	06/06/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
157	19571402170029	Nguyễn Hồng	Nhung	28/11/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn	
158	19571402310011	Lê Hoàng Quỳnh	Anh	28/08/2000	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
159	19571402310039	Lê Thị Quỳnh	Anh	14/09/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
160	19571402310023	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/01/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
161	19571402310038	Lê Thị Vi	Cầm	27/11/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
162	19571402310119	Trần Thị Bích	Diệp	12/06/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
163	19571402310031	Lê Thanh	Huyền	22/07/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
164	19571402310035	Nguyễn Thị	Mai	23/08/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
165	19571402310042	Kha Ngọc	Nhung	14/01/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
166	19571402310034	Lưu Thị	Thùy	21/06/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Tiếng Anh	
167	19571402310028	Bùi Thị Quỳnh	Trang	16/08/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
168	19571402310005	Hoàng Thị Thảo	Vân	05/10/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
169	19571402310068	Dương Thị Kiều	Oanh	10/11/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
170	19571402310007	Lê Thị Tố	Uyên	04/09/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
171	19571402310103	Nguyễn Phương	Chi	15/06/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
172	19571402310089	Phạm Thị Thùy	Dung	19/09/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
173	19571402310078	Lê Thị	Hồng	12/10/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
174	19571402310095	Nguyễn Thị Trà	My	23/12/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
175	19571402310022	Hoàng Thị	Ngọc	09/02/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
176	19571402310113	Hồ Thị Hồng	Nhung	07/11/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	
177	19571402090028	Trần Thị Trà	Ly	25/11/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học	
178	19571402090053	Lý Tỳ	Rê	12/10/2001	Nam	Khá	Sư phạm Toán học	
179	155D1402091013	Trương Công	Sơn	10/09/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học	
180	19571402090042	Trần Thị Linh	Đan	03/01/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
181	19571402090024	Nguyễn Thị	Huyền	05/08/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
182	19571402090058	Dư Mỹ	Linh	09/08/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
183	19571402090001	Lê Khánh	Linh	30/10/2001	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
184	19571402090018	Đinh Thị Xuân	Quỳnh	06/12/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
185	19571402090033	Lê Thị Diễm	Quỳnh	04/11/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
186	19571402090015	Đinh Thị Thanh	Tâm	16/08/2001	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học_CLC	CLC

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Hệ đào tạo
187	19571402090050	Nguyễn Văn	Thái	02/12/2001	Nam	Khá	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
188	19571402090014	Nguyễn Thị	Trà	03/02/2001	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học_CLC	CLC
189	19573402010022	Hoàng Lê Thị	Hương	11/06/2001	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng	
190	19573402010011	Phan Thị Thảo	Vân	15/08/2001	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
191	17552340201_200001	Đặng Thị Phi	Nga	15/04/1999	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng	
192	1755222011300025	Nguyễn Ngọc	Diệp	29/03/1999	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
193	19573106300030	Lê Thị	Dung	23/07/2001	Nữ	Khá	Việt Nam học	
194	19573106300029	Nguyễn Văn	Hùng	10/01/2001	Nam	Khá	Việt Nam học	
195	19573106300051	Lê Thị Hải	Lý	01/10/2001	Nữ	Giỏi	Việt Nam học	
196	19573106300001	Lê Thái	Sơn	11/05/2000	Nam	Khá	Việt Nam học	
197	19573106300036	Hoàng Trung	Thi	07/01/2000	Nam	Khá	Việt Nam học	

Danh sách trên có 197 sinh viên./.